

Thành phố Lai Châu, ngày 10 tháng 10 năm 2019

Số: 02/2019/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 30, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty A**

Địa chỉ trụ sở: Số 9 Đại lộ T, khu công nghiệp II, phường A, thị xã A, tỉnh D.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn A - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Văn B - Chức vụ: Giám đốc Công ty A - Chi nhánh tỉnh C.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố Q, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện tại: Số 121 đường C, tổ 05, phường T, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn: **Công ty B**

Địa chỉ trụ sở: số nhà 307 đường T, tổ 02, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị N - Chức vụ: Giám đốc

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Công ty B xác nhận còn nợ tiền hàng theo hợp đồng nguyên tắc số 13/HSLC-BN/2018 về việc mua bán tôn, thép dày, ông thép đã được ký giữa Chi nhánh Công ty A tại tỉnh C với Công ty B. Công ty B chấp nhận trả hết số tiền nợ gốc là 100.071.992 đồng (*Một trăm triệu không trăm bảy mươi một ngàn chín trăm chín mươi hai đồng*) trong vòng 04 tháng (từ tháng 10/2019 đến tháng 01/2020) và Công

ty A không yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền lãi quá hạn là 8.953.527 đồng (*Tám triệu chín trăm năm mươi ba ngàn, năm trăm hai mươi bảy đồng*) và số tiền phạt chậm thanh toán 8.005.759 đồng (*Tám triệu không trăm lẻ năm ngàn bảy trăm năm mươi chín đồng*).

2.2. Về phương án trả nợ trong thời hạn cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 30/10/2019 Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

Đợt 2: Ngày 30/11/2019 Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);

Đợt 3: Ngày 30/12/2019 Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);

Đợt 4: Ngày 20/01/2020 Công ty B trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 30.071.992 đồng (*Ba mươi triệu không trăm bảy một nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*);

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tổng số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.501.800 đồng (*Hai triệu năm trăm linh một nghìn tám trăm đồng*), trong đó:

Nguyên đơn Công ty A phải chịu 1.250.900 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn chín trăm đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xác nhận nguyên đơn Công ty A đã nộp đủ số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Công ty A số tiền 1.674.881 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm tám mươi một đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0004046 ngày 03/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn Công ty B phải chịu 1.250.900 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn chín trăm đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THADS TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga

